

Số: 3975/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 09 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giải quyết kinh phí**  
**hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID – 19 (đợt 8)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Theo đề nghị của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tại Công văn số 3281/SLĐTĐBXH-VP ngày 21/10/2020 và Sở Tài chính tại Công văn số 3800/STC-NST ngày 21/10/2020 về việc kinh phí hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (đợt 8).

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Hỗ trợ kinh phí (đợt 8) cho 7.200 đối tượng, kinh phí hỗ trợ là 8.022.750.000 đồng (Tám tỷ, hai mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng), cụ thể như sau:

- Hộ kinh doanh có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng (01 tháng): 20 hộ, kinh phí hỗ trợ: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm (01 tháng): 5.375 người, kinh phí hỗ trợ: 5.375.000.000 đồng (Năm tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng); trong đó có 48 lao động là người bán lẻ xỏ số lưu động, kinh phí hỗ trợ 48 triệu đồng.

(Có biểu 1, 2 kèm theo)

- 1.805 đối tượng là Vợ (chồng) liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác, kinh phí hỗ trợ 2.627.750.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó:

+ 1.704 người chưa được hỗ trợ, số tiền là 2.552.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm năm mươi hai triệu đồng).

+ 101 người đã được hỗ trợ theo chính sách hộ nghèo, hộ cận nghèo nay đề nghị chuyển hưởng mức hỗ trợ của đối tượng người có công với cách mạng.



số tiền đề nghị cấp bù chênh lệch là 75.750.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

(Có biểu 3 kèm theo)

**Điều 2. Nguồn kinh phí**

1. Kinh phí hỗ trợ cho đối tượng hộ kinh doanh có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng; người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm (không bao gồm người bán lẻ xổ số lưu động) và đối tượng vợ (chồng) liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác: sử dụng nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2020 cho tỉnh Nghệ An để hỗ trợ kinh phí thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

2. Kinh phí hỗ trợ cho Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm là người bán lẻ xổ số lưu động: được nhận khoản hỗ trợ từ Công ty Xổ số kiến thiết theo hướng dẫn tại Thông tư số 83/2020/TT- BTC ngày 22/9/2020 của Bộ Tài chính.

**Điều 3.** Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh làm thủ tục cấp phát, quản lý theo quy định. Công ty Xổ số kiến thiết Nghệ An, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chi trả cho các đối tượng kịp thời và quyết toán theo chế độ hiện hành.

**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Công ty Xổ số kiến thiết Nghệ An; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: *[Signature]*

- Như Điều 4;
  - Bộ LĐ-TB&XH
  - TT Tỉnh ủy;
  - Đoàn đại biểu QH tỉnh;
  - Chủ tịch UBND tỉnh;
  - Các PCT UBND tỉnh;
  - UBMTTQ tỉnh;
  - CVP, PCVP VX UBND tỉnh;
  - TP KGVX;
  - Lưu: VT, KGVX (D).
- } (B/c)
- [Signature]*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Đình Long**

**Biểu 1: Hỗ trợ cho hộ kinh doanh có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh)

(Đơn vị: 1.000 đồng)

TT	Huyện, thành phố, thị xã	Xã, phường	Số đối tượng hỗ trợ (hộ)	Số tiền hỗ trợ hàng tháng	Tổng thời gian hỗ trợ (tháng)	Trong đó:			Tổng số tiền hỗ trợ	Ghi chú
						Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)				(7) = (5)*(6)	
1	Thị xã Cửa Lò	Phường Nghi Tân	8	1.000	1	1			8.000	
		Phường Nghi Thủy	5	1.000	1	1			5.000	
2	Thành phố Vinh	Phường Hưng Dũng	7	1.000	1	1			7.000	
	<b>Tổng</b>		<b>20</b>						<b>20.000</b>	



**Biểu 2: Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm  
do chịu ảnh hưởng bởi đại dịch COVID- 19**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh )*

*(Đơn vị: 1.000 đồng)*

TT	Huyện, thành phố, thị xã	Số Lao động hỗ trợ (người)	Số tiền hỗ trợ hàng tháng	Tổng thời gian hỗ trợ (tháng)	Trong đó:			Tổng số tiền hỗ trợ	Ghi chú
					Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6		
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)				(7)= (5)*(6)	
1	Huyện Hưng Nguyên	117	1.000	1	1			117.000	
2	Huyện Quỳnh Châu	235	1.000	1	1			235.000	
3	Huyện Quế Phong	1	1.000	1	1			1.000	
4	Thị xã Thái Hòa	385	1.000	1	1			385.000	34 người bán lẻ xô số
5	Huyện Quỳnh Hợp	2	1.000	1	1			2.000	02 người bán lẻ xô số
6	Huyện Tân Kỳ	391	1.000	1	1			391.000	04 người bán lẻ xô số
7	Thành phố Vinh	3850	1.000	1	1			3.850.000	06 người bán lẻ xô số
8	Huyện Con Cuông	269	1.000	1	1			269.000	01 người bán lẻ xô số
9	Huyện Yên Thành	125	1.000	1	1			125.000	01 người bán lẻ xô số
	<b>Tổng</b>	<b>5.375</b>				-	-	<b>5.375.000</b>	-

- **Tổng số đối tượng đề nghị hỗ trợ:** 5.375 đối tượng; trong đó, 48 lao động là người bán lẻ xô số lưu động.

- **Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:** 5.375 triệu đồng (*Năm tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng*); trong đó, kinh phí đề nghị hỗ trợ cho Người bán lẻ xô số là: 48.000.000 đồng.



**BIỂU 3: TỔNG HỢP VỢ HOẶC CHỒNG LIỆT SĨ LẤY CHỒNG KHÁC HOẶC VỢ KHÁC  
ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID - 19**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh)

DVT: 1000 đồng

TT	Đơn vị	Số đối tượng vợ, chồng tái giá chưa được hỗ trợ						Số đối tượng chuyển hưởng chế độ hỗ trợ				Tổng số hỗ trợ			
		Số thời gian được hỗ trợ						Số đối tượng hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ	Số người	Số tiền hỗ trợ cho đối tượng NCC với CM	Số tiền đã được hỗ trợ theo hộ nghèo, hộ cận nghèo	Số tiền chênh lệch cấp bù	Tổng số đối tượng	Tổng số tiền
		Tháng 4		2 tháng 4 và 5		3 tháng 4,5 6									
		Số đối tượng	Số tiền	Số đối tượng	Số tiền	Số đối tượng	Số tiền								
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (3)+(5)+(7)	(10) = (4)+(6)+(8)	(11)	(12)	(13)	(14) = (12) - (13)	(15) = (9)+(11)	(16) = (10)+(14)
1	Cửa Lò	0	0	0	0	6	9.000	6	9.000	0	0	0	0	6	9.000
2	Đô Lương	0	0	0	0	131	196.500	131	196.500	9	13.500	6.750	6.750	140	203.250
3	Kỳ Sơn	0	0	0	0	1	1.500	1	1.500	0	0	0	0	1	1.500
4	Nam Đàn	0	0	1	1.000	118	177.000	119	178.000	7	10.500	5.250	5.250	126	183.250
5	Nghi Lộc	0	0	0	0	101	151.500	101	151.500	1	1.500	750	750	102	152.250
6	Quế Phong	0	0	0	0	5	7.500	5	7.500	5	7.500	3.750	3.750	10	11.250
7	Quỳ Châu	0	0	0	0	14	21.000	14	21.000	12	18.000	9.000	9.000	26	30.000
8	Quỳnh Lưu	1	500	0	0	192	288.000	193	288.500	5	7.500	3.750	3.750	198	292.250
9	Thái Hòa	0	0	0	0	21	31.500	21	31.500	0	0	0	0	21	31.500
10	TP Vinh	0	0	0	0	139	208.500	139	208.500	2	3.000	1.500	1.500	141	210.000
11	Tương Dương	0	0	0	0	9	13.500	9	13.500	6	9.000	4.500	4.500	15	18.000
12	Yên Thành	0	0	0	0	208	312.000	208	312.000	3	4.500	2.250	2.250	211	314.250
13	Tân Kỳ	0	0	0	0	65	97.500	65	97.500	4	6.000	3.000	3.000	69	100.500

TT	Đơn vị	Số đối tượng vợ, chồng tái giá chưa được hỗ trợ						Số đối tượng chuyển hưởng chế độ hỗ trợ				Tổng số hỗ trợ			
		Số thời gian được hỗ trợ						Số đối tượng hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ	Số người	Số tiền hỗ trợ cho đối tượng NCC với CM	Số tiền đã được hỗ trợ theo hộ nghèo, hộ cận nghèo	Số tiền chênh lệch cấp bù	Tổng số đối tượng	Tổng số tiền
		Tháng 4		2 tháng 4 và 5		3 tháng 4,5 6									
		Số đối tượng	Số tiền	Số đối tượng	Số tiền	Số đối tượng	Số tiền								
14	Diễn Châu	0	0	0	0	193	289.500	193	289.500	5	7.500	3.750	3.750	198	293.250
15	Quý Hợp	0	0	0	0	37	55.500	37	55.500	8	12.000	6.000	6.000	45	61.500
16	Con Cuông	0	0	0	0	35	52.500	35	52.500	20	30.000	15.000	15.000	55	67.500
17	Nghĩa Đàn	0	0	0	0	62	93.000	62	93.000	2	3.000	1.500	1.500	64	94.500
18	Anh Sơn	0	0	1	1.000	74	111.000	75	112.000	3	4.500	2.250	2.250	78	114.250
19	Thanh Chương	1	500	2	2.000	137	205.500	140	208.000	8	12.000	6.000	6.000	148	214.000
20	Hoàng Mai	0	0	0	0	74	111.000	74	111.000	0	0	0	0	74	111.000
21	Hưng Nguyên	0	0	0	0	76	114.000	76	114.000	1	1.500	750	750	77	114.750
	<b>Tổng cộng</b>							<b>1.704</b>	<b>2.552.000</b>	<b>101</b>			<b>75.750</b>	<b>1.805</b>	<b>2.627.750</b>

- **Tổng số đối tượng đề nghị hỗ trợ:** 1.805 đối tượng; trong đó, 1.704 người chưa được giải quyết chế độ; 101 người đề nghị chuyển hưởng mức hỗ trợ của hộ nghèo, hộ cận nghèo sang mức hỗ trợ cho Người có công với cách mạng.

- **Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:** 2.627,750 triệu đồng (Hai tỷ sáu trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng)